

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trịnh Minh K, sinh năm 1971; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 4, ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Minh K và chị Nguyễn Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Trịnh Minh K và chị Nguyễn Thị L tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ba cháu Trịnh Thị L, sinh ngày 12/6/1989; Trịnh Thị P, sinh ngày 05/6/1995 và Trịnh Thị Ph, sinh ngày 05/02/1993 đã có gia đình, có cuộc sống ổn định nên vợ chồng ly hôn các cháu muốn sống cùng ai là tùy thuộc

vào các cháu.

Còn cháu Trịnh Minh H, sinh ngày 27/5/2005 giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trịnh Minh K tự nguyện góp tiền nuôi cháu H cùng chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), kể từ tháng 4/2018 cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh K, chị L thoả thuận tự phân chia không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trịnh Minh K và chị Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn; anh Trịnh Minh K phải chịu 150.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ; anh Trịnh Minh K thoả thuận chịu án phí ly hôn thay cho chị. Số tiền án phí anh Trịnh Minh K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp theo biên lai số 0002397 ngày 12/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Quảng Bình; anh K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Q;
- CCTHADS huyện Q;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ vụ án.
-

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Dương Viết Hải